TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tnh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Thái Văn Lộc
2/ Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 635/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D - sinh năm 1980;
Địa chỉ: Tổ 4, ấp CO, xã HT, huyện CT, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1975;
Địa chỉ: Tổ 4, ấp CO, xã HT, huyện CT, tỉnh TN.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh T chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện CT, tỉnh TN. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, kéo dài đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến hay cãi nhau, do anh T ghen tuông vô cớ chửi chị nhiều lần, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thúy D - sinh năm 2001, con theo chị chị nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không nợ.

Tại lời khai ngày 24 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh xác định thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như vợ trình bày là đúng, vợ chồng sống chung có hiểu lầm do anh đi nấu ăn xa nên anh ghen tuông vô cớ, anh đã biết sai mong vợ bỏ qua cho anh, vì anh rất thương vợ, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung như vợ trình bày, con theo vợ vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nợ chung không nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Con chung giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung khai không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại ấp CO, xã HT, huyện CT, theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TN.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 8 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện CT, tỉnh TN, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2018, nguyên nhân do anh T ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng bất hòa ý kiến, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018, chị D xác định không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn. Ngược lại, anh T thừa nhận do anh sai mong chị D bỏ qua, anh không đồng ý ly hôn. Thấy rằng, giữa chị D và anh T sống chung có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T tạo ra mâu thuẫn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng lại đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con, thời gian chị D và anh T sống ly thân, anh T không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại Tòa chị D kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Do đó, giữa chị D và anh T không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Veà con chung: Chị D và anh T thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Thúy D - sinh năm 2001, chị D và anh T thống nhất giao cho chị D nuôi dưỡng. Qua hỏi nguyện vọng của cháu D, cháu có nguyện vọng được sống với chị D, nên cần giao cho chị D nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị D không yêu cầu, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

[4]. Taøi saûn chung: Chị D, anh T không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Chị D anh T khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYEÁT ÑÒNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" của chị Trần Thị D đối với anh Nguyễn Văn T.

Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thúy D - sinh ngày 24/4/2001.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở. .

3. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải cịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018905 ngày 17/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyeàn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nôi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh**;**
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Hòa Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thinh

Các Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**